## Thực hiện phép so sánh giữa xs:ID và xs:unique

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT: 6** | **Họ và tên sinh viên: Phan Nguyễn Huỳnh Như** | **Nhóm: 2** |
| **Tiêu chí** | **xs:ID** | **xs:unique** |
| **So sánh theo từng tiêu chí** | | |
| Loại | Kiểu dữ liệu dựng sẵn (built-in simple type) | Ràng buộc (constraint) trong XSD |
| Phạm vi | Duy nhất trên **toàn bộ tài liệu XML** | Duy nhất trong **phạm vi phần tử cha được khai báo** |
| Tính tham chiếu | Có thể được tham chiếu bởi **xs:IDREF / xs:IDREFS** | Không hỗ trợ IDREF, chỉ để kiểm tra tính duy nhất |
| Hạn chế cú pháp | Giá trị phải bắt đầu bằng chữ hoặc gạch dưới, theo chuẩn NCName | Giá trị kiểu nào cũng được (string, number…) miễn đáp ứng ràng buộc XPath |
| Khi nào dùng | Khi muốn gán **một định danh toàn cục** cho phần tử (giống khóa chính) | Khi cần **ràng buộc duy nhất cục bộ** cho một tập hợp phần tử hoặc thuộc tính |
| **Đánh dấu X vào cột tương ứng** | | |
| Khóa chính toàn tài liệu | X |  |
| Khóa duy nhất theo phạm vi tùy chỉnh |  | X |
| Cục bộ trong phạm vi của phần tử cha |  | X |
| Toàn bộ tài liệu XML | X |  |
| Liên quan đến tính duy nhất | X | X |
| Kiểu dữ liệu dựng sẵn | X |  |
| Ràng buộc |  | X |